TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH S**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 06/6/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH S

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Cận

2. Ông Huỳnh Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Phước Tài -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

Vào ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đặng Thị M,** sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số 160/14, đường N, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thu H,** sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 33/15, K, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày:

Vào tháng 4/2016, bà có cho bà Nguyễn Thị Thu H có vay số tiền

50.000.000 đồng nói để làm ăn nhưng việc làm ăn cụ thể của bà H như thế nào thì bà không biết. Khi vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, trả lãi hàng tháng. Đến ngày 19/7/2017 bà H làm tờ cam kết mỗi tháng bà H sẽ trả cho bà số tiền 1.500.000 đồng, không tính lãi và đã trả được 13.000.000 đồng tiền vốn. Sau đó bà H không trả nữa. Nay bà yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền vốn là 37.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 01%/tháng tính từ tháng 7/2017 đến tháng 11/2018 thành tiền là 9.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2017, bà nhiều lần vay tiền của bà Đặng Thị M và hai bên đã chốt lại số tiền vay là 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, trả lãi hàng tháng. Vào ngày 19/7/2017, bà làm tờ cam kết hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà M số tiền 1.500.000 đồng không tính lãi và đã trả được 13.000.000 đồng tiền vốn. Sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên bà không trả tiếp được cho bà M. Nay bà thừa nhận còn nợ bà M số tiền vốn là 37.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền vốn 37.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi, đồng thời bà xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M không đồng ý với lời đề nghị về việc không trả lãi và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H có nơi cư trú tại phường N, thành phố S, tỉnh S trả số tiền nợ 37.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền là 37.000.000 đồng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà M và bị đơn bà H đều thống nhất về các khoản tiền vay, các khoản tiền đã trả và thống nhất số tiền vốn mà bà H còn nợ lại bà M là 37.000.000 đồng. Chứng cứ bà M cung cấp là "đơn cam kết trả nợ" đề ngày 19/6/2017 và đã được bà H thừa nhận. Phía bà Hđã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo nội dung tờ cam kết đề ngày 19/6/2017 nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 37.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với số tiền lãi 9.000.000 đồng mà bà M yêu cầu bà H trả nhưng bà H không đồng ý, đây là tiền lãi tính từ tháng 7/2017 đến tháng 11/2018 với mức lãi suất 01%/tháng, HĐXX thấy rằng: Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như thỏa thuận trước đó nên việc bà M yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 37.000.000 đồng trong khoản thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 11/2018 với mức lãi suất 01%/tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được HĐXX chấp nhận. Đối với việc xin trả dần nợ của bà H không được bà M chấp nhận và cũng không phù hợp với quy định pháp luật nên không được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí , lệ phí Toà án , bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 46.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Đặng Thị M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 466, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí , lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị M.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị M số tiền 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng, trong đó tiền vốn là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng và tiền lãi là 9.000.000 (Chín triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà H còn phải trả số tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí số tiền 2.300.000 (Hai triệu ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn bà Đặng Thị M không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.150.000 đồng theo biên lai thu số 0004736 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ , để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS TP S;
- TAND tỉnh S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định